

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG KIM TRÀ**

Số: **540/UBND-KTHTĐT**

V/v Rà soát, thống kê diện tích
thuộc chủ rừng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kim Trà, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Hạt Kiểm lâm Bắc Sông Hương.

Thực hiện Công văn số 4681/SNNMT-CCKL ngày 20/8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế về việc cung cấp thông tin xây dựng Đề án Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nuôi dưỡng và làm giàu rừng trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2026 – 2030; UBND phường Kim Trà đề nghị Hạt Kiểm lâm Bắc Sông Hương phối hợp rà soát, thống kê các diện tích rừng, đất rừng theo đối tượng quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh trên địa bàn phường Kim Trà theo các phụ lục sau:

1. Rà soát, thống kê diện tích thuộc chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư Tổ dân phố và UBND phường đang quản lý (*Theo mẫu biểu 01 đính kèm*).

2. Các chủ rừng Nhà nước: Rà soát, thống kê diện tích do đơn vị đang quản lý (*Theo mẫu biểu 02 đính kèm*).

Kết quả rà soát, thống kê gửi về UBND phường Kim Trà (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) trước ngày 29/8/2025 để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND phường;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Lưu: VT.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Hoàng Trọng Hiệu

Mẫu biểu 01. Thống kê diện tích thực hiện biện pháp Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, nuôi dưỡng và làm giàu rừng giai đoạn 2026 - 2030

Xã, phường:

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-CCKL ngày /8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế)

STT	Năm thực hiện	Xã/ phường	Tiểu khu	Khoảnh	Chủ quản lý	Diện tích (ha)	Hiện trạng (Đối tượng)	Quy hoạch 3 loại rừng (PH, DD, SX)
I	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên							
1	Khoanh nuôi mới							
	2026							
	2027							
	2028							
	2029							
	2030							
2	Khoanh nuôi chuyển tiếp							
	2026							
	2027							
	2028							
	2029							
	2030							
II	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung							
1	Khoanh nuôi mới							
	2026							
	2027							
	2028							
	2029							
	2030							

2	Khoanh nuôi chuyển tiếp							
	2026							
	2027							
	2028							
	2029							
	2030							
III	Nuôi dưỡng rừng tự nhiên							
	2026							
	2027							
	2028							
	2029							
	2030							
IV	Làm giàu rừng tự nhiên							
	2026							
	2027							
	2028							
	2029							
	2030							
	Tổng							

Ghi chú: Kèm theo bản đồ giấy và file bản đồ số thể hiện khu vực đề xuất

- 1. Hiện trạng (đối tượng) gồm:**
- TXP: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng.
 - TXK: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt.
 - TXN: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo.
 - RPH: Rừng phục hồi.
 - DT2: Đất trồng có cây gỗ tái sinh.
- 2. Quy hoạch 3 loại rừng gồm:**
- PH: Rừng phòng hộ. - ĐD: Rừng đặc dụng. - SX: Rừng sản xuất.

Mẫu biểu 02. Thống kê diện tích thực hiện biện pháp Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, nuôi dưỡng và làm giàu rừng giai đoạn 2026 - 2030

Đơn vị chủ rừng:.....

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-CCKL ngày /8/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế)

STT	Năm thực hiện	Xã/ phường	Tiểu khu	Khoảnh	Diện tích (ha)	Hiện trạng (Đối tượng)	Quy hoạch 3 loại rừng (PH, DD, SX)
I	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên						
1	Khoanh nuôi mới						
	2026						
	2027						
	2028						
	2029						
	2030						
2	Khoanh nuôi chuyển tiếp						
	2026						
	2027						
	2028						
	2029						
	2030						
II	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung						
1	Khoanh nuôi mới						
	2026						
	2027						
	2028						
	2029						
	2030						

2	Khoanh nuôi chuyển tiếp						
	2026						
	2027						
	2028						
	2029						
	2030						
III	Nuôi dưỡng rừng tự nhiên						
	2026						
	2027						
	2028						
	2029						
	2030						
IV	Làm giàu rừng tự nhiên						
	2026						
	2027						
	2028						
	2029						
	2030						
	Tổng						

Ghi chú: Kèm theo bản đồ giấy và file bản đồ số thể hiện khu vực đề xuất

- 1. Hiện trạng (đối tượng) gồm:**
- TXP: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng.
 - TXK: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo kiệt.
 - TXN: Rừng tự nhiên lá rộng thường xanh nghèo.
 - RPH: Rừng phục hồi.
 - DT2: Đất trồng có cây gỗ tái sinh.
- 2. Quy hoạch 3 loại rừng gồm:**
- PH: Rừng phòng hộ. - ĐĐ: Rừng đặc dụng. - SX: Rừng sản xuất.